

Bản án số: **05/2023/HNGĐ-ST**  
Ngày: 08-02-2023.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Tấn Phát.

Ông Võ Văn Trung.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hồng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

***Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 234/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thu Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: Số nhà 4A đường HT, ấp Tr A, xã TT, thị xã HT, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tô D, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 18, hẻm 17 đường THĐ, khu phố N, Phường H, thành phố TN, tỉnh TN.

- Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; anh D vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2022 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Cao Thị Thu Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tô D tự nguyện quen biết nhau, sống chung từ năm 2013 do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TN, tỉnh TN theo số 131/2013; ngày 31-10-2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà cha mẹ anh D theo địa chỉ: Số nhà 18, hẻm 17 đường THĐ, khu phố N, phường H, thành phố TN, tỉnh TN. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm. Anh D nhiều lần xúc phạm nhân phẩm, danh dự của chị Tr. Vì vậy vợ chồng không còn tiếng nói chung trong hôn nhân. Hai vợ chồng không ngồi lại với nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 29-7-2014. Hiện con đang sống cùng với anh D cùng gia đình anh D, nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn, chị Tr đồng ý để con cho anh D trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tô D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh D đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa nhưng anh D vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc ly hôn với anh D; về con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Mỹ H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tr không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

Anh Nguyễn Tô D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh D tự nguyện chung sống với nhau năm 2013, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố TN, tỉnh TN theo số 131/2013; ngày 31-10-2013 nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Tr, anh D phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của anh chị tan vỡ do không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Tô D.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H. Hiện con đang sống cùng với anh D, chị Tr đồng ý giao con cho anh D được trực tiếp nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu giao con của chị Tr cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng nhận thấy rằng: Cháu H khi sinh ra và lớn lên ở một nơi cố định là nhà của cha mẹ anh D và hiện tại cháu đang học gần nơi sinh sống, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cháu. Mặt khác, chị Tr có công việc làm nhưng xa nhà không thuận tiện đưa đón con và phải làm việc theo sự phân công về thời gian của công ty nên điều kiện chăm sóc không được đảm bảo và chị có yêu cầu giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Tô D trong quá trình giải quyết vụ án, không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Tr. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị Thu Tr đối với anh Nguyễn Tô D. Chị Cao Thị Thu Tr và anh Nguyễn Tô D không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Tô D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 29-7-2014. Chị Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Cao Thị Thu Tr được quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị Tr thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Thu Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu số 0001371 ngày 10-10-2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ghi nhận chị Cao Thị Thu Tr đã nộp xong.

“Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- UBND Phường H;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

*(đã ký)*

**Trần Trọng Nghĩa**